

NGUỒN VỐN KINH PHÍ VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BẢO ĐTTS VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025													KH Vốn còn lại đến thời điểm báo cáo	Tiến độ triển khai đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Lũy kế vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn đã bố trí	Tổng kế hoạch vốn được thực hiện năm 2025	Kế hoạch giao năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			Lũy kế vốn thanh toán thuộc kế hoạch vốn năm 2025 đến thời điểm báo cáo			Ước giải ngân đến 31/12/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn đã bố trí					
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó								
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương								
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	46.618	46.535	84	46.155	46.074	81	99	5.442,15	5.077,00	5.077,00	-	365,15	365,15	-	4.685,00	4.685,00	-	5.442,15	86,09	757,15				
1.1	Dự án 1	2.419	2.335	84	2.297	2.216	81	94,97	414,45	295,00	295,00	-	119,45	119,45	-	-	-	-	414,45	-	414,45	0	0		
*	Hỗ trợ đất ở	132	120	12	132	120	12	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0			
-	Xã Đắk Tô Re	44	40	4	44	40	4	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Xã Đắk Tô Re	44	40	4	44	40	4	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Xã Đắk Ruồng	44	40	4	44	40	4	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Ruồng		
*	Hỗ trợ nhà ở	440	400	40	440	400	40	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				0	0	0	
-	Xã Đắk Tô Re	176	160	16	176	160	16	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Xã Đắk Tô Re	132	120	12	132	120	12	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Xã Đắk Tô Re	132	120	12	132	120	12	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
*	Hỗ trợ đất sản xuất	347	315	32	321	292	29	92,71	23,00	-	-	-	23,00	23,00	-	-	-	-	-		23,00	0	0	0	
-	Xã Đắk Tô Re	124	113	11	124	113	11	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Xã Tân Lập	25	23	2	-	-		-	22,50	-	-	-	22,50	22,50	-	-	-	-			22,50	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Xã Tân Lập	25	23	2	24	22	2	97,98	0,50	-	-	-	0,50	0,50	-	-	-	-			0,50	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Xã Đắk Ruồng	25	23	2	25	23	2	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Ruồng		
-	Xã Đắk Tô Re	124	113	11	124	113	11	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Xã Đắk Ruồng	25	23	2	25	23	2	100,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Ruồng		
*	Hỗ trợ công trình NSH tập trung	1.500	1.500	-	1.404	1.404	-	-	391,45	295,00	295,00	-	96,45	96,45	-	-	-	-	391,45	0	391,45	0	0	0	
	Đầu tư xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt thôn Đak Jri	1.500	1.500		1.404	1.404		93,57		-	-		-			-						Đã hoàn thành	Phòng NN&PTNT huyện	Số kinh phí còn lại 96,447 triệu đồng điều chỉnh sang công trình NSH tập trung thôn Kon Sâm Lữ	
	Công trình NSH tập trung thôn Kon Sâm Lữ xã Đắk Tô Re	391,45	391,45						391,45	295,00	295,00		96,45	96,45		-					391,45	Đang triển khai	Phòng Kinh tế xã Kon Braih		
1.2	Dự án 4	41.533	41.533	-	41.270	41.270	-	99	4.948,31	4.782,00	4.782,00	-	166,31	166,31	-	4.685,00	4.685,00	-	263,32	94,68	263,32	0	0	0	
*	Tiểu dự án 1	41.533	41.533	-	41.270	41.270	-	99	4.948,31	4.782,00	4.782,00	-	166,31	166,31	-	4.685,00	4.685,00	-		94,68	263,32				
-	Nâng cấp tuyến liên xã từ thị trấn Đắk Rve đi xã Tân Lập, Đắk Ruồng (khu dân cư phía nam)	26.873	26.873		26.839	26.839		99,87	33,93	-	-		33,93	33,93		-					33,93	Đã hoàn thành	Ban QLDA ĐTXD huyện		
-	Đường đi KSX thôn Đak Jri xã Đắk Tô Re	1.822	1.822		1.822	1.822		100,00	-	-	-		-	-		-					-	Đã hoàn thành	Ban QLDA ĐTXD huyện		
-	Đường đi KSX thôn Kon Jri Pen xã Đắk Tô Re	602	602		592	592		98,35	9,96	-	-		9,96	9,96		-					9,96	Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Sân bê tông nhà rông thôn Kon Xom Luh xã Đắk Tô Re	450	450		442	442		98,20	8,11	-	-		8,11	8,11		-					8,11	Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Đường đi KSX làng Kon K'Lăng, thôn Đak Ó Ngilang xã Đắk Tô Re	1.767	1.767		1.756	1.756		99,40	10,64	-	-		10,64	10,64		-					10,64	Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Sân bê tông nhà rông làng Kon Tờ Neh, thôn Đak Puih xã Đắk Tô Re	350	350		343	343		97,92	7,27	-	-		7,27	7,27		-					7,27	Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Đường đi KSX thôn Kon Xom Luh xã Đắk Tô Re	1.746	1.746		1.716	1.716		98,27	1.746,00	1.746,00	1.746,00					1.714,72	1.714,72			98,208736	31,28	Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		
-	Đường đi KSX thôn Đak Puih xã Đắk Tô Re	1.925	1.925		1.917	1.917		99,59	1.925,00	1.925,00	1.925,00					1.917,17	1.917,17			99,593211	7,83	Đã hoàn thành	Phòng KT&HT		
-	Sân bê tông nhà văn hóa thôn Tam Sơn xã Đắk Tô Re	250	250		250	250		99,99	250,00	250,00	250,00					249,97	249,97			99,9864	0,03	Đã hoàn thành	UBND xã Đắk Tô Re		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025										KH Vốn còn lại đến thời điểm báo cáo	Tiến độ triển khai đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Ghi chú		
		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Lũy kế vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn đã bố trí	Tổng kế hoạch vốn được thực hiện năm 2025	Kế hoạch giao năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			Lũy kế vốn thanh toán thuộc kế hoạch vốn năm 2025 đến thời điểm báo cáo							Ước giải ngân đến 31/12/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn đã bố trí
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó							
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương									
-	Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (tuyến đấp Đăk Rơ nối tiếp)	252	252		251	251		99,69	0,78	-	-		0,78	0,78		-				0,78	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường liên xã đến KSX thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà bà Múi đến nhà bà Chi)	252	252		249	249		98,97	2,60	-	-		2,60	2,60		-				2,60	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Dự án: Đường nội thôn 5 xã Tân Lập	287	287		285	285		99,30	2,02	-	-		2,02	2,02		-				2,02	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Dự án: Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy A Oanh đến rẫy A Hiên)	286	286		281	281		98,25	4,99	-	-		4,99	4,99		-				4,99	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Dự án: Đường nội thôn thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà ông Hào đi khu sản xuất)	128	128		128	128		100,00	-	-	-		-	-		-				-	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Dự án: Đường nội thôn thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà ông Hào đi khu sản xuất)	159	159		156	156		98,08	3,05	-	-		3,05	3,05		-				3,05	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường đi KSX thôn 6 xã Tân Lập (ông kiểu)	287	287		259	259		90,26	27,94	-	-		27,94	27,94		-				27,94	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn từ đấp Đăk Rơ đi thao trường bản)	287	287		266	266		92,69	20,97	-	-		20,97	20,97		-				20,97	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường đi KSX thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà ông A Nhảy đi vào)	287	287		266	266		92,69	137,00	137,00	137,00		-			116,03	116,03		84,69562	20,97	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy Y Ngan đi KSX)	393	393		373	373		94,90	393,00	393,00	393,00		-			372,97	372,97		94,903817	20,03	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường đi KSX thôn 6 xã Tân Lập (Đường liên xã đi khu sản xuất)	331	331		314	314		94,90	331,00	331,00	331,00		-			314,13	314,13		94,903625	16,87	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Đường đi khu SX thôn 11 xã Đăk Ruồng	252	252		252	252		100,00	-	-	-		-	-		-			-	-	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Ruồng		
-	Đường đi KSX thôn 10 xã Đăk Ruồng (đoạn nối tiếp)	252	252		252	252		100,00	-	-	-		-	-		-			-	-	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Ruồng		
-	Đường đi khu SX thôn 11 xã Đăk Ruồng (Đoạn nối tiếp)	1.147	1.147		1.130	1.130		98,51	17,06	-	-		17,06	17,06		-			17,06	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Ruồng			
-	Đường đi KSX thôn 10 xã Đăk Ruồng (đoạn cuối làng đi khu sản xuất)	1.148	1.148		1.131	1.131		98,52	16,98	-	-		16,98	16,98		-			16,98	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Ruồng			
1.3	Dự án 5	1.482	1.482	-	1.464	1.464	-	98,81	17,59	-	-	-	17,59	17,59	-	-	-	-	17,59	0	17,59	0	0	
-	Công trình vệ sinh nước sạch tại trường Tiểu học Kapakolong	652	652		651	651		99,89	0,71	-	-		0,71	0,71		-			0,71	Đã hoàn thành	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			
-	Phòng học bộ môn trường Tiểu học Kapakolong	830	830		813	813		97,97	16,88	-	-		16,88	16,88		-			16,88	Đã hoàn thành	Phòng Kinh tế - Hạ tầng			
1.4	Dự án 6	1.052	1.052	-	1.032	1.032	-	98,07	20,32	-	-	-	20,32	20,32	-	-	-	-	20,32	0	20,32	0	0	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm du lịch tiêu biểu: Làng Kon BBráp Du - Thôn 5, xã Tân Lập	566	566	-	550	550	-	97,25	15,55	-	-	-	15,55	15,55	-	-	-	-	0	15,55	0	0	0	
-	Xây mới 01 nhà để xe	104	104		101	101		96,85	3,28	-	-		3,28	3,28		-			3,28	Đã hoàn thành	Phòng Dân tộc			
-	Xây mới hệ thống nhà vệ sinh công cộng và trụ cở	400	400		389	389		97,31	10,78	-	-		10,78	10,78		-			10,78	Đã hoàn thành	Phòng Dân tộc			
-	Xây dựng 02 biển chỉ dẫn Làng du lịch.	62	62		61	61		97,60	1,49	-	-		1,49	1,49		-			1,49	Đã hoàn thành	Phòng Dân tộc			
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế VH, TT tại các thôn ĐBKk, xã ĐBKk	486	486	-	481	481	-	99,02	4,77	-	-	-	4,77	4,77	-	-	-	-	0	4,77				
-	Sân bóng đá Thôn Kon Som Luh - xã Đăk Tô Re	162	162		162	162		100,00	0,00	-	-		0,00	0,00		-			0,00	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Tô Re			
-	Sân bóng chuyên thôn 5-Xã Tân Lập	133	133		131	131		98,69	1,74	-	-		1,74	1,74		-			1,74	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập			

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025										KH Vốn còn lại đến thời điểm báo cáo	Tiến độ triển khai đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Ghi chú			
		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Lũy kế vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn đã bố trí	Tổng kế hoạch vốn được thực hiện năm 2025	Kế hoạch giao năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			Lũy kế vốn thanh toán thuộc kế hoạch vốn năm 2025 đến thời điểm báo cáo						Ước giải ngân đến 31/12/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn đã bố trí	
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó							
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương									
-	Sân bóng chuyền Thôn 4 - xã Tân Lập	29	29		29	29		99,91	0,03	-	-		0,03	0,03		-				0,03	Đã hoàn thành	UBND xã Tân Lập		
-	Sân bóng chuyền Thôn 9 - Kon Srết - Xã Đăk Ruông	162	162		159	159		98,15	3,01	-	-		3,01	3,01		-				3,01	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Ruông		
1.5	Dự án 10	133	133	-	92	92	-	68,86	41,48	-	-	-	41,48	41,48	-	-	-	-	41,48	0	41,48		0	
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ ĐBDTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã	133	133	-	92	92	-	95	41,48	-	-	-	41,48	41,48	-	-	-	-		-	41,48			
-	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ ĐBDTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã Đăk Tô Re	96	96		92	92		95,44	4,38	-	-		4,38	4,38		-				4,38	Đã hoàn thành	UBND xã Đăk Tô Re		
-	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ ĐBDTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã Tân Lập	19	19		-	-		-	18,55	-	-		18,55	18,55		-				18,55	Đang triển khai	Phòng VH-XH xã Kon Braih		
-	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ ĐBDTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã Đăk Ruông	19	19		-	-		-	18,55	-	-		18,55	18,55		-				18,55	Đang triển khai	Phòng VH-XH xã Kon Braih		

NGUỒN VỐN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ M

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn được giao giai đoạn 2021-2025				Tổng số
			KH vốn được giao	Số đã giải ngân đến thời điểm BC	Tỷ lệ % giải ngân	KH vốn còn lại đến thời điểm BC	
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI		8.985.000.000	5.331.610.527	59,34	3.653.389.473	3.879.341.473
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.406.000.000	1.668.408.000	69,34	737.592.000	737.592.000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, Hỗ trợ NSH phân tán		2.406.000.000	1.668.408.000	69,34	737.592.000	737.592.000
-	Xã Đăk Tô Re	UBND xã Đăk Tô Re	2.011.000.000	1.357.410.000		653.590.000	653.590.000
-	Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	160.000.000	124.998.000		35.002.000	35.002.000
-	Xã Đăk Ruồng	UBND xã Đăk Ruồng	235.000.000	186.000.000		49.000.000	49.000.000
III	Dự án 3: Phát triển SX nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền đề SX hàng hóa theo chuỗi giá trị		4.822.000.000	2.088.750.420		2.733.249.580	2.733.249.580
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		1.268.000.000	0		1.268.000.000	1.268.000.000
-	<i>Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ</i>		<i>963.000.000</i>	<i>0</i>		<i>963.000.000</i>	<i>963.000.000</i>
+	Xã Đăk Tô Re	UBND xã Đăk Tô Re	710.000.000			710.000.000	710.000.000
+	Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	139.000.000			139.000.000	139.000.000
+	Xã Đăk Ruồng	UBND xã Đăk Ruồng	114.000.000			114.000.000	114.000.000
-	<i>Hỗ trợ gao trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ</i>		305.000.000	0		305.000.000	305.000.000
+	Xã Đăk Tô Re	UBND xã Đăk Tô Re	228.000.000			228.000.000	228.000.000
+	Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	44.000.000			44.000.000	44.000.000
+	Xã Đăk Ruồng	UBND xã Đăk Ruồng	33.000.000			33.000.000	33.000.000
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ PTSX theo cuối giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS&MN		3.554.000.000	2.088.750.420	58,77	1.465.249.580	1.465.249.580
-	Xã Đăk Tô Re	UBND xã Đăk Tô Re	1.836.000.000	1.306.959.920		529.040.080	529.040.080
-	Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	859.000.000	217.717.500		641.282.500	641.282.500
-	Xã Đăk Ruồng	UBND xã Đăk Ruồng	859.000.000	564.073.000		294.927.000	294.927.000
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		1.600.000.000	1.517.552.107	94,85	82.447.893	308.399.893
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		1.600.000.000	1.517.552.107	94,85	82.447.893	308.399.893
-	Xã Đăk Tô Re	UBND xã Đăk Tô Re	816.000.000	785.233.607		30.766.393	256.718.393

-	Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	392.000.000	357.337.500		34.662.500	34.662.500
-	Xã Đăk Ruồng	UBND xã Đăk Ruồng	392.000.000	374.981.000		17.019.000	17.019.000
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số						
-	Hỗ trợ các lớp học xóa mù chữ, người dân tham gia học xóa mù chữ và tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho người học xóa mù chữ	Phòng GD&ĐT huyện					
2	Tiểu dự án 3: Dự án PT giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người LĐ vùng DTTS&MN	Phòng GD&ĐT huyện					
3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình						
-	Tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các xã, thị trấn	Phòng Dân tộc và Tôn giáo huyện					
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Du lịch và Truyền thông huyện					
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		153.000.000	53.000.000		100.000.000	100.000.000
-	Xây dựng và nhân rộng mô hình: thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ.	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện					
-	Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế- xã hội của cộng đồng, giám sát						
-	Trang bị kiến thức về bình đẳng giới kỹ năng thực hiện lòng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và thực hiện có uy tín cộng đồng						
-	Tổ chức các chiến dịch truyền thông tuyên truyền, vận động thay đổi nếp nghĩ cách làm góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình, cộng đồng						
-	Tổ chức phương thức cách vận hành tổ TKVVTB cho cán bộ Hội, BQL tổ tại các xã, thị trấn						
-	Tổ chức hội nghị đánh giá sau kết quả chiến dịch truyền thông						
-	Xã Đăk Tô Re	UBND xã Đăk Tô Re	77.000.000	27.000.000		50.000.000	50.000.000
-	Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	38.000.000	13.000.000		25.000.000	25.000.000
-	Xã Đăk Ruồng	UBND xã Đăk Ruồng	38.000.000	13.000.000		25.000.000	25.000.000

VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn						
1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng ĐBDTTS						
	Xây dựng MH giảm thiểu tình trạng tảo hôn tại địa bàn xã có tỷ lệ tảo hôn cao	Phòng Dân tộc và Tôn giáo huyện					
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		4.000.000	3.900.000		100.000	100.000
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG						
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT	Phòng Dân tộc và Tôn giáo huyện					
-	Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	Phòng Tư pháp huyện					
-	Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	Mặt trận Tổ quốc Việt nam huyện					
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo ANTT vùng ĐBDTTS&MN	Phòng VH và TT huyện	4.000.000	3.900.000		100.000	100.000
	Xã Đắk Tờ Re	UBND xã Đắk Tờ Re	4.000.000	3.900.000		100.000	100.000
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình						
-	Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết thực hiện Chương trình ở các xã, thị trấn	Phòng Dân tộc và Tôn giáo huyện					

MIỀN NÚI

ĐVT: Triệu đồng

Kế hoạch vốn năm 2025		
KH vốn giao năm 2025	KH vốn các năm trước kéo dài sang 2025	Đã giải ngân đến thời điểm BC
1.686.000.000	2.193.341.473	
503.000.000	234.592.000	
503.000.000	234.592.000	
420.000.000	233.590.000	
34.000.000	1.002.000	
49.000.000	0	
1.031.000.000	1.702.249.580	
0	1.268.000.000	
0	963.000.000	Nội dung này không thực hiện do không còn đối tượng thụ hưởng. Dự kiến xin chuyển nguồn
	710.000.000	
	139.000.000	
	114.000.000	
0	305.000.000	
	228.000.000	
	44.000.000	
	33.000.000	
1.031.000.000	434.249.580	
515.000.000	14.040.080	
258.000.000	383.282.500	
258.000.000	36.927.000	
52.000.000	256.399.893	
52.000.000	256.399.893	
26.000.000	230.718.393	225.952.000

13.000.000	21.662.500	
13.000.000	4.019.000	
100.000.000	0	
50.000.000	0	
25.000.000	0	
25.000.000	0	

0	100.000	
	100.000	Không thực hiện, dự kiến trả vốn
	100.000	

CHI TIẾT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN DUY TU BẢO DƯỠNG DỰ ÁN 4, TIỂU DỰ ÁN 1
Nguồn vốn Sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN

TT	Tên dự án, công trình	Số KP đã thực hiện giải ngân thanh toán
1	Duy tu, bảo dưỡng Đường đi khu sản xuất thôn 5	38.000.000
2	Sửa chữa đường giao thông nội thôn thôn 5 (đoạn từ Nhà Rông thôn 5 đi đến hộ nhà ông A Khi)	104.000.000
3	Sửa chữa cống Đắc Rơ đường đi khu sản xuất thôn 5 và Sửa chữa đường nội thôn thôn 2 (Đoạn từ cống chào thôn 2 vào đến nhà ông Nguyễn Văn Hoà)	215.337.500
4	Duy tu, bảo dưỡng Đường làng Kon SKôi thôn 10, Kon Tub thôn 11	37.746.000
5	Sửa chữa đường giao thông thôn 10	103.090.000
6	Sửa chữa đường GTNT nội thôn Làng Kon SKôi; Sửa chữa đường giao thông nội thôn làng Kon Srệt thôn 9	234.145.000
7	Sửa chữa gia cố công trình rãnh thoát nước đường vào nhà rông làng Kon Rơ Lang (Thôn Đăk Jri)	105.417.795
8	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng tuyến đường nội thôn Đăk Ở Nglăng và thôn Kon Dơ Xing	207.937.812
9	Sửa chữa các tuyến đường đi khu sản xuất tại các thôn trên địa bàn xã	245.926.000
10	Sửa chữa, duy tu tuyến đường đi khu sản xuất thôn Đak Pơ Kong	225.952.000
	Tổng cộng	1.517.552.107

[illegible]